TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/HC-PT
Ngày 15 tháng 5 năm 2018
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp cưỡng chế thu hồi đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán:
- Ông Đặng Văn Ý
- Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 324/2017/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp cưỡng chế thu hồi đất.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 494/2018/QĐPT - HC ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Dương Thị Lệ T1, sinh năm 1962 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Đài Sơn, thành phố P, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Cẩm Q, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 14 đường 33, phường Bình An, Quận 2, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2018) – Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Minh T2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Khoa N – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (Vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Dương Thị Lệ T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/3/2017 của người khởi kiện bà Dương Thị Lệ T1 và các lời khai tiếp theo của người đại diện hợp pháp ông Lê Cẩm Q trình bày:

Ngày 16/10/2012, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 3032/QĐ-UBND thu hồi đất vườn, ao, trên đất có nhà cửa, cây lâu năm của hộ bà Dương Thị Lệ T1 để thực hiện Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P. Hộ bà T1 chưa nhận tiền bồi thường và chưa nhận được hỗ trợ tái định cư, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 cưỡng chế thu hồi đất. Việc cưỡng chế thu hồi đất là vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, vi phạm điểm a khoản 5 Điều 71 Luật đất đai 2013. Đồng thời việc thực hiện Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P vi phạm các Điều 30; khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 5 Điều 71 và Điều 83 Luật đất đai; Điều 13 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; các điều 19, 20, 22, 23, 24, 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị đúng quy định của pháp luật thời điểm năm 2016.

Tại văn bản ngày 30/5/2017 và các lời khai tiếp theo của người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Trần Minh T2 trình bày:

Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P được ban hành trên cơ sở quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 và khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

Về trình tự thực hiện: Ngày 16/10/2012, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 3033/QĐ-UBND thu hồi 275 m^2 thuộc thửa đất số 16f, tờ bản

đồ số 02 của hộ bà Dương Thị Lệ T1 sử dụng tại phường Thanh Sơn để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P và đã triển khai đến hộ bà T1. Sau đó, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh N cùng các đơn vị có liên quan của thành phố đã nhiều lần vận động nhưng hộ bà T1 không đồng ý bàn giao mặt bằng hoặc là vắng mặt không có lý do.

Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh N tại văn bản số 2307/TTPTQĐ-BTGMB ngày 24/12/2015 đề nghị cưỡng chế các hộ. Sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố thẩm định hồ sơ, quá trình thu hồi, bồi thường, quá trình vận động mời hộ bà T1 và Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 15/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường Thanh Sơn về việc vận động hộ gia đình bà T1 bàn giao mặt bằng, đã có Tờ trình số 684/TTr-TNMT ngày 25/5/2016. Do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 cưỡng chế đối với hộ gia đình bà T1 là đúng quy định của pháp luật, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 206; Điều 213 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 3 Điều 69; Điều 71 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bác khởi kiện của bà Dương Thị Lệ T1 về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị đúng quy định của pháp luật thời điểm năm 2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2017, người khởi kiện bà Dương Thị Lệ T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Hủy Quyết định thu hồi đất số 3033/QĐ-UBND; Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 3064/QĐ-UBND cùng ngày 16/10/2012; Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá đất số 3187/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P do ban hành sai nội dung, quy trình, trình tự thực hiện thủ tục. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường và tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Lê Cẩm Q là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 3033/QĐ-UBND; Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 3064/QĐ-UBND cùng ngày 16/10/2012; Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung giá đất số 3187/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường và tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Về nội dung kháng cáo không có căn cứ nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Thị Lệ T1 trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Tuy bà Dương Thị Lệ T1 chỉ khởi kiện đối với Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất, nhưng theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính thì cần phải xem xét tính hợp pháp của tất cả các quyết định hành chính có liên quan mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện, bao gồm: Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình bà T1; Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

[3] Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật để xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính nêu trên được thực hiện theo quy định tại Điều 156

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực.

[4] Xét Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình bà T1 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung theo quy định tại Điều 39 và Điều 44 Luật đất đai năm 2003; điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

Đối với các Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cũng được ban hành đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung đúng theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Trước khi ban hành Quyết định thu hồi đất vào ngày 16/10/2012, Ủy ban nhân dân thành phố P đã 03 lần ban hành Thông báo về việc thu hồi đất để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện Quy hoạch khu đô thị Đông Bắc (Khu K1) gồm: Thông báo số 43/TB-UBND ngày 14/6/2010; Thông báo số 53/TB-UBND ngày 01/7/2010 và Thông báo số 21/TB-UBND ngày 14/3/2011. Do đó, việc bà T1 kháng cáo cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố P vi phạm thời gian thông báo thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật đất đai năm 2003 cũng là không đúng.

[5] Ngày 25/10/2012, Ủy ban nhân dân phường Thanh Sơn kết hợp Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh N giao Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình bà T1 và Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Đến ngày 26/02/2014 giao Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung, nhưng bà T1 từ chối nhận. Do vậy, việc bà T1 kháng cáo cho rằng bà không biết các quyết định nêu trên là không đúng.

Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Thanh Sơn kết hợp Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh N đã nhiều lần vận động, thuyết phục vào các ngày 28/7/2015, 09/12/2015, 31/12/2015 và ngày 07/01/2016 nhưng gia đình bà T1 không thực hiện quyết định thu hồi đất. Tại biên bản vận động bàn giao mặt bằng ngày 09/12/2015, trước khi ký tên, bà T1 đã viết vào biên bản nội dung: *"Gia đình tha thiết xin theo nguyện vọng, vẫn thực hiện theo chủ trương của Nhà nước làm đường, phần còn lại để gia đình sử dụng".* Do đó, việc bà T1

kháng cáo cho rằng gia đình bà chưa được vận động, thuyết phục thực hiện quyết định thu hồi đất là không đúng và do đó, cấp sơ thẩm đã không trưng cầu giám định chữ ký theo yêu cầu của bà T1 trong biên bản vận động bàn giao mặt bằng lập ngày 28/7/2015 là có cơ sở, vì ngoài lần vận động này, bà T1 còn được vận động bàn giao mặt bằng tại nhiều lần khác vào các ngày 09/12/2015, 31/12/2015 và ngày 07/01/2016.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà T1 sau khi đã nhiều lần vận động, thuyết phục và là nhằm để thực hiện Quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực thi hành (Quyết định số 3033/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố P). Do đó, Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành, điều kiện ban hành và trình tự thủ tục ban hành theo quy định tại Điều 71 của Luật đất đai năm 2013, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Lệ T1 yêu cầu hủy Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo mà ông Lê Cẩm Q trình bày.

[6] Tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: "*Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt"* và điều khoản này được Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 như sau: "*Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014".* Tại điểm b, khoản 4 Điều 58 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định:*"Trường hợp do chậm chi trả hoặc chậm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP";* Điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định:*"Bồi thường chậm do người bị thu hồi đất gây ra, nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi."*

Mặc dù được cơ quan chức năng giao quyết định thu hồi đất nhưng bà T1 từ chối nhận, được vận động, thuyết phục nhiều lần nhưng bà T1 vẫn không thực hiện quyết định thu hồi đất và các quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất, nên việc chậm trễ là do bà T1 gây ra. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T1 yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị đúng quy định của pháp luật thời điểm năm 2016.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Dương Thị Lệ T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Thị Lệ T1 và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Bác đơn khởi kiện của bà Dương Thị Lệ T1 yêu cầu hủy Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị đúng quy định của pháp luật thời điểm năm 2016.

[3] Bà Dương Thị Lệ T1 phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0013817 ngày 07/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh N (1);
- VKSND tỉnh N (1);
- Cục THADS tỉnh N (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP (3), HC (2), (14b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công